

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 28 ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty và các công ty con là hoạt động tư vấn, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bán lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch	
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban	
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên	
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên	từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc	
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2023
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2023
Bà Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Nhóm Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám Đốc

Ông Chế Đoàn Viên được Bà Lê Phương Thảo ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 309/2308/UQ/PC/YEG có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 8 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 12925844/67488977/HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 62, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó vào ngày 29 tháng 8 năm 2022. Ngoài ra, báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		687.539.410.543	623.158.641.225
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	7.473.954.525	26.473.013.864
111	1. Tiền		7.473.954.525	22.373.013.864
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.100.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		230.000.000	50.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	230.000.000	50.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		604.224.644.541	541.296.932.112
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	145.837.787.565	161.650.767.393
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	86.425.241.441	82.005.142.464
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	245.949.561.628	164.433.231.206
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	198.648.548.032	209.178.378.379
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(72.636.494.125)	(75.970.587.330)
140	IV. Hàng tồn kho	12	19.294.452.032	15.511.002.401
141	1. Hàng tồn kho		53.886.103.194	75.467.022.274
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(34.591.651.162)	(59.956.019.873)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		56.316.359.445	39.827.692.848
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	42.977.362.070	27.938.305.891
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	13.306.372.591	11.733.669.810
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	32.624.784	155.717.147

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

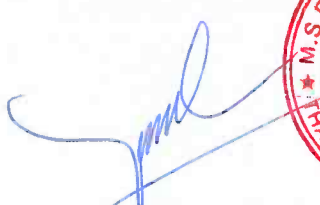
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		821.890.120.061	617.819.241.835
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		345.956.965.691	368.503.496.695
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	5.150.000.000	119.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	340.806.965.691	249.503.496.695
220	II. Tài sản cố định		10.040.414.804	12.227.445.584
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	1.159.845.971	1.915.044.232
222	Nguyên giá		26.819.332.317	32.063.148.590
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(25.659.486.346)	(30.148.104.358)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	8.880.568.833	10.312.401.352
228	Nguyên giá		19.095.374.540	19.053.507.540
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.214.805.707)	(8.741.106.188)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		23.855.702.504	22.565.454.545
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	23.855.702.504	22.565.454.545
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	18	372.743.310.592	140.347.514.642
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	363.693.310.592	132.247.514.642
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	18.665.625.000	17.715.625.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	18.2	(9.615.625.000)	(9.615.625.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		69.293.726.470	74.175.330.369
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.075.153.898	3.220.915.857
269	2. Lợi thế thương mại	17	67.218.572.572	70.954.414.512
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.509.429.530.604	1.240.977.883.060

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		593.509.563.590	334.197.703.328
310	I. Nợ ngắn hạn		573.992.579.489	315.495.843.209
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	98.722.135.057	83.181.799.835
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.2	6.607.624.651	6.405.918.023
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	29.359.980.722	42.048.654.493
314	4. Phải trả người lao động		4.400.372.376	4.685.853.174
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	19.492.739.472	18.755.981.834
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	53.236.503.055	66.099.828.450
320	7. Vay ngắn hạn	23	362.173.224.156	94.317.807.400
330	II. Nợ dài hạn		19.516.984.101	18.701.860.119
337	1. Phải trả dài hạn khác		91.100.000	87.600.000
338	2. Vay dài hạn	23	1.811.623.982	1.000.000.000
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.3	17.614.260.119	17.614.260.119
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		915.919.967.014	906.780.179.732
410	I. Vốn chủ sở hữu		915.919.967.014	906.780.179.732
411	1. Vốn cổ phần	24.1	312.799.680.000	312.799.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		312.799.680.000	312.799.680.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	550.873.478.254	550.873.478.254
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	40.525.228.383	30.555.633.680
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		30.555.633.680	18.294.413.020
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		9.969.594.703	12.261.220.660
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	11.721.580.377	12.551.387.798
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.509.429.530.604	1.240.977.883.060


Lưu Anh Khoa
Người lập


Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng




Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	143.294.334.475	136.841.871.638
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(1.337.689.458)	(2.482.087.561)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	141.956.645.017	134.359.784.077
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(107.453.253.529)	(95.837.071.044)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		34.503.391.488	38.522.713.033
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	21.054.855.244	263.873.600
22	7. Chi phí tài chính	29	(10.229.150.422)	(2.627.028.522)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(10.048.072.400)	(2.381.120.522)
24	8. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết	18.1	(315.454.050)	456.952.066
25	9. Chi phí bán hàng	30	(8.209.283.230)	(13.487.992.484)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(26.828.981.190)	(25.537.014.878)
30	11. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		9.975.377.840	(2.408.497.185)
31	12. Thu nhập khác		480.200.000	13.174.232.892
32	13. Chi phí khác	31	(5.245.544.193)	(2.768.270.186)
40	14. (Lỗ) lợi nhuận khác		(4.765.344.193)	10.405.962.706
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.210.033.647	7.997.465.521
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	3.929.753.635	(308.109.677)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	33.1	-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		9.139.787.282	7.689.355.844

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		9.969.594.703	6.718.460.546
62	20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	26	(829.807.421)	970.895.298
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	25	319	215
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	25	319	215


Lưu Anh Khoa
Người lập


Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng




Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

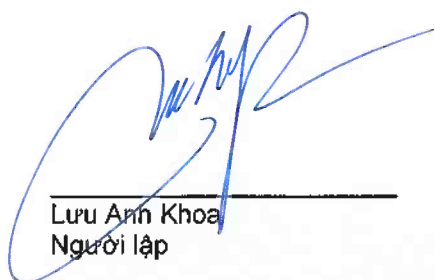
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.210.033.647	7.997.465.521
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	14, 15,17	5.761.103.385	3.935.436.580
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(28.698.461.916)	(2.103.485.419)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(11.102.309.090)	(902.643.848)
06	Chi phí lãi vay	29	10.048.072.400	2.381.120.522
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(18.781.561.574)	11.307.893.356
09	Tăng các khoản phải thu		(12.123.100.990)	(247.016.055.911)
10	Giảm hàng tồn kho		21.580.919.080	1.486.260.514
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		7.088.982.674	(78.355.253.678)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(13.893.294.220)	21.215.168.671
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.615.843.128)	(8.514.453.856)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(5.500.000.000)	(3.874.841.829)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(27.243.898.158)	(303.751.282.733)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.332.114.959)	-
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		570.109.091	-
23	Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		(52.225.997.700)	(70.054.670.449)
24	Tiền thu hồi cho vay		84.379.667.278	15.920.929.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(343.361.250.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.231.370.000	444.589.652.833
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức		5.762.653.158	44.423.873.600
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(268.975.563.132)	434.879.784.984

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

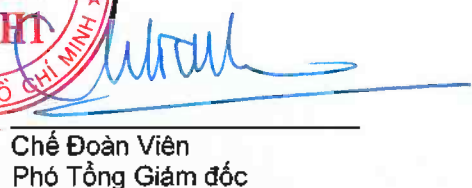
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được	23	337.355.335.825	50.691.283.969
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	23	(60.134.933.874)	(153.983.770.648)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		277.220.401.951	(103.292.486.679)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(18.999.059.339)	27.836.015.572
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		26.473.013.864	4.321.225.874
70	Tiền cuối kỳ	5	7.473.954.525	32.157.241.446


Lưu Ann Khoa
Người lập


Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng




Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 28 ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 176 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 192).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 11 công ty con trực tiếp và 5 công ty con gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10 công ty con trực tiếp và 4 công ty con gián tiếp) với chi tiết như sau:

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	GCNĐKKD số 0310275558 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 28 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKKD điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,00%	99,00%	99,00%	99,98%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	GCNĐKKD số 0311776620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 5 năm 2012, và các GCNĐKKD điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
3	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	GCNĐKKD số 0102768915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh	Tầng 14, Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, Số 1 đường Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	GCNĐKKD số 0313491606 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	67,00%	67,00%	67,00%	67,00%
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	GCNĐKKD số 0102349978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh	Tầng 4, Tòa nhà Star Tower, lô D32, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Công nghệ, bán buôn	99,80%	99,80%	99,80%	99,80%
6	Công ty Cổ phần YAG Entertainment	GCNĐKKD số 0315171182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	99,70%	99,70%	99,70%	99,70%
7	Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam (*)	GCNĐKKD số 0106000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
8	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	GCNĐKKD số 0314526114 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và tham dò dư luận	99,80%	99,80%	99,80%	99,80%
9	Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1 (*)	GCNĐKKD số 0316198596 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh	Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%
10	Công ty TNHH 1 Production	GCNĐKKD số 0317690271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 21 tháng 2 năm 2023	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00%	100,00%	-	-
11	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số (*)	GCNĐKKD số 1301092937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp vào ngày 11 tháng 6 năm 2020, và các GCNĐKKD điều chỉnh	Số 48 Đường Hai Bà Trưng, Phường An Hội, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
12	Công ty TNHH Yeah1 Up	GCNĐKKD số 0317420589 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2022, và các GCNĐKKD điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,99%	100,00%	99,99%	100,00%
13	Công ty TNHH MTV Style TV	GCNĐKKD số 0316198596 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 16 tháng 3 năm 2020, và các GCNĐKKD điều chỉnh	Số 58, Đường Huỳnh Mãn Đạt, Phường 19, Quận Bình Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00%	100,00%	51,00%	100,00%
14	Công ty TNHH STV Production	GCNĐKKD số 0317800358 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 21 tháng 4 năm 2023, và các GCNĐKKD điều chỉnh	Tầng 11, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	51,00%	100,00%	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo) Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
15	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	GCNĐKKD số 0316703552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 2 tháng 2 năm 2011, và các GCNĐKKD điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	58,99%	59,00%	58,99%	59,00%
16	Công ty Cổ phần Gigagoods	GCNĐKKD số 0316763583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 22 tháng 3 năm 2021, và các GCNĐKKD điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ	50,99%	51,00%	50,99%	51,00%

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại các công ty con này (Thuyết minh số 35.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn/Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	6 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt hoặc xây dựng tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị của Nhóm Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Các chương trình truyền hình đang phát sóng;
- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Phí dịch vụ trả trước khác.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Các bộ phận chính theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty bao gồm cho thuê và cung cấp các tiện ích khu công nghiệp, bán hàng hóa và thành phẩm, cung cấp dịch vụ tư vấn và xây dựng, đầu tư tài chính vào các lĩnh vực khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

4.1 Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital (“Edigital”)

Theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 62/2302/HĐCNCP/YEG-NAK và Số 63/2302/HĐCNCP/YEG-PTMH ngày 14 tháng 2 năm 2023 với Ông Nguyễn Anh Khoa và Bà Phạm Thị Minh Hằng, Nhóm Công ty đã lần lượt nhận chuyển nhượng 281.250 cổ phần và 3.656.250 cổ phần của Edigital tương ứng với giá trị là 9.196.875.000 VND và 119.559.375.000 VND. Theo đó, Nhóm Công ty sở hữu 35% cổ phần của Edigital và Edigital trở thành công ty liên kết của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

4.2 Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam (“Netlink Việt Nam”)

Theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 60/2302/HĐCNCP/YEG-NAK và Số 61/2302/HĐCNCP/YEG-PTNH ngày 14 tháng 2 năm 2023 với Ông Nguyễn Anh Khoa và Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu, Nhóm Công ty đã lần lượt nhận chuyển nhượng 27.000 cổ phần và 36.000 cổ phần của Netlink Việt Nam tương ứng với giá trị là 44.145.000.000 VND và 58.860.000.000 VND. Theo đó, Nhóm Công ty sở hữu 35% cổ phần của Netlink Việt Nam và Netlink Việt Nam trở thành công ty liên kết của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	-	150.752.205
Tiền gửi ngân hàng	7.473.954.525	22.222.261.659
Các khoản tương đương tiền	-	4.100.000.000
TỔNG CỘNG	7.473.954.525	26.473.013.864

6. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,85%/năm đến 9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Các bên khác	133.306.098.735	143.413.335.148
Công ty TNHH Phục hợp Truyền thông T.H	29.567.628.722	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng (*)	13.939.220.078	13.939.220.078
Công ty Cổ phần Truyền thông Power (*)	7.959.773.900	7.959.773.900
Công ty Cổ phần Ban Media	6.945.870.825	-
Công ty TNHH Truyền Thông WPP	6.760.318.693	4.963.372.340
Khác	68.133.286.517	107.550.968.830
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	12.531.688.830	18.237.432.245
TỔNG CỘNG	145.837.787.565	161.650.767.393
Dự phòng phải thu ngắn hạn (Thuyết minh số 11)	(18.026.687.816)	(20.398.981.020)
GIÁ TRỊ THUẦN	127.811.099.749	141.251.786.373

(*) Các khoản thu này được đảm bảo bằng 963.303 cổ phần của Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 469-2308-TTBL-PHC-YEG-Y1D ngày 18 tháng 8 năm 2023.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Các bên khác	86.400.491.441	81.980.392.464
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế (*)	48.126.704.193	48.126.704.193
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến (**)	16.755.470.000	16.755.470.000
Something Big SAS	8.160.450.000	8.160.450.000
Khác	13.357.867.248	8.937.768.271
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	24.750.000	24.750.000
TỔNG CỘNG	86.425.241.441	82.005.142.464
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)	(16.246.796.596)	(16.246.796.596)
GIÁ TRỊ THUẦN	70.178.444.845	65.758.345.868

(*) Khoản trả trước này sau khi trừ với các nghĩa vụ phải trả đã được đảm bảo bằng 963.303 cổ phần của Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 469-2308-TTBL-PHC-YEG-Y1D ngày 18 tháng 8 năm 2023.

(**) Đây là khoản trả trước theo Hợp đồng Nguyên tắc Số 10/HĐMT/Y1-VNO.20 ngày 17 tháng 8 năm 2020, để mua mã thẻ viễn thông, được bảo lãnh bằng cổ phần của Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh ngày 24 tháng 2 năm 2023. Vào ngày 17 tháng 8 năm 2023, Nhóm Công ty đã nhận chuyển nhượng 512.400 cổ phần của Edigital, tương đương với 4,55% vốn điều lệ của Edigital, theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần Số 400-2308-HĐCNCP-BPTC-YEG để tất toán khoản tạm ứng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	245.949.561.628	164.433.231.206
Cho các bên khác vay	215.894.165.021	126.222.398.763
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 34)	30.055.396.607	38.210.832.443
Dài hạn	5.150.000.000	119.000.000.000
Cho bên khác vay	-	119.000.000.000
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 34)	5.150.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>251.099.561.628</u>	<u>283.433.231.206</u>

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Cho các bên khác vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	119.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	8,5	Tín chấp
Trần Minh Việt	45.960.311.001	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	8	2.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital thuộc sở hữu của bên thứ ba
Công ty Cổ phần Kingdom Media	23.708.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	8	Tín chấp
Công ty TNHH Phúc hợp Truyền thông T.H	7.483.333.700	Từ ngày 4 tháng 4 năm 2024 đến ngày 26 tháng 6 năm 2024	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	6.316.138.099	Từ ngày 11 tháng 11 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Finbase	5.250.000.000	Từ ngày 10 tháng 2 năm 2024 đến ngày 12 tháng 5 năm 2024	8 – 10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	3.804.300.000	Từ ngày 28 tháng 12 năm 2023 đến ngày 27 tháng 6 năm 2024	8 – 10,5	Tín chấp
Công Ty TNHH Yeah1 Vision	1.360.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Tín chấp
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	1.040.000.000	Từ ngày 20 tháng 2 năm 2024 đến ngày 27 tháng 6 năm 2024	8 – 10,5	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay như sau: (tiếp theo)

<i>Bên vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Cho các bên khác vay ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Delivery Technology	620.824.000	Từ ngày 19 tháng 5 năm 2024 đến ngày 19 tháng 6 năm 2024	12	Tín chấp
Công ty TNHH Phim Hay	540.000.000	Ngày 9 tháng 4 năm 2024	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tập đoàn CAPITALX	511.258.221	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	300.000.000	Ngày 3 tháng 10 năm 2023	8	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>215.894.165.021</u>			
Cho các bên liên quan vay ngắn hạn (Thuyết minh số 34)				
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	18.689.396.607	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Tín chấp
Công ty TNHH Tera Group	11.296.000.000	Từ ngày 20 tháng 4 năm 2024 đến ngày 29 tháng 6 năm 2024	10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	70.000.000	Ngày 30 tháng 5 năm 2024	10,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>30.055.396.607</u>			
Cho các bên liên quan vay dài hạn (Thuyết minh số 34)				
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	3.450.000.000	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2025 đến ngày 13 tháng 4 năm 2025	10 – 10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	1.250.000.000	Ngày 8 tháng 5 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	450.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	8	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>5.150.000.000</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	198.648.548.032	209.178.378.379
Tạm ứng nhân viên	91.436.635.905	43.146.609.969
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh:	41.050.277.750	71.337.407.535
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn (i)</i>	17.500.000.000	17.500.000.000
<i>Travellet Tech Limited (ii)</i>	8.120.000.000	8.120.000.000
<i>Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (iii)</i>	6.246.780.215	-
<i>Công ty TNHH Bryan and Martin Pictures (iv)</i>	3.600.000.000	3.600.000.000
<i>Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ Truyền hình (v)</i>	3.199.290.000	-
<i>Công ty Cổ phần MBC Studio (vi)</i>	1.253.462.535	1.253.462.535
<i>Công ty Cổ phần Mnet (vi)</i>	1.130.745.000	1.130.745.000
<i>Công ty TNHH Media Investment Hub</i>	-	39.733.200.000
Tạm ứng để nhận chuyển nhượng cổ phần (vii)	30.000.000.000	30.000.000.000
Lãi dự thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	12.093.750.000	2.100.000.000
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	11.197.173.666	5.908.536.440
Phải thu cổ tức (viii)	7.065.680.000	9.565.680.000
Đặt cọc	1.701.978.525	1.666.978.525
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	-	37.231.370.000
Khác	4.103.052.186	8.221.795.910
Dài hạn	340.806.965.691	249.503.496.695
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Unicorn Venture (ix)	199.875.000.000	100.565.000.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Giải trí TTK (x)	138.658.000.000	147.318.000.000
Đặt cọc	2.273.965.691	1.620.496.695
TỔNG CỘNG	539.455.513.723	458.681.875.074
Dự phòng phải thu khác khó đòi (Thuyết minh số 11)	(38.363.009.713)	(39.324.809.713)
GIÁ TRỊ THUẬN	501.092.504.010	419.357.065.361
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	531.682.168.250	451.733.629.566
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	7.773.345.473	6.948.245.508

(i) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Nhóm Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 đồng, trong đó, Nhóm Công ty đóng góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 đồng và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 đồng.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

- (ii) Đây là khoản đa Hợp đồng Hợp tác Trò chơi trực tuyến ngày 1 tháng 11 năm 2019 với Travellet Tech Limited về giấy phép liên quan đến trò chơi trực tuyến. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty đã lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu từ hợp tác kinh doanh này.
- (iii) Đây là Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 501/2023/HĐSXCT/STV-VTVCab ngày 5 tháng 1 năm 2023 và Số 2612/2022/HĐSXCT/STV-VTVCab ngày 26 tháng 12 năm 2023 với Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam về việc hợp tác sản xuất hai dự án truyền hình là "Cao thủ đối đầu tranh thủ" và "Thiếu niên toàn năng". Theo đó, toàn bộ chi phí liên quan đến hợp tác sản xuất sẽ được phân chia theo tỷ lệ 50:50, và doanh thu sau khi trừ đi mức doanh thu cam kết sẽ được chia theo tỷ lệ tương tự.
- (iv) Đây là Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số BM-HĐĐT/03/2017 ngày 12 tháng 12 năm 2017 với Công ty TNHH Bryan and Martin Pictures về việc hợp tác sản xuất dự án truyền hình. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty đã lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu từ hợp tác kinh doanh này.
- (v) Đây là Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 416-2022/TVAd-LKCT-HTSX ngày 19 tháng 12 năm 2022 với Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ Truyền hình về việc hợp tác sản xuất dự án truyền hình "Gia đình đại chiến".
- (vi) Đây là Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 021/2017/HĐGV/YES/E18/GV ngày 20 tháng 11 năm 2017 với Công ty Cổ phần Mnet (trước đây là Công ty Cổ phần Góp Vốn) và Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 2018-002/HĐGV/ZOMBIE/MBCS-YEAH1 ngày 21 tháng 6 năm 2018 với Công ty Cổ phần MBC Studio về việc hợp tác sản xuất các dự án làm phim. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty đã lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu từ hợp tác kinh doanh này.
- (vii) Đây là khoản tạm ứng cho Ông Võ Thái Phong để mua 3.000.000 cổ phần của VNO tương đương với 100% tỷ lệ sở hữu trong VNO theo Biên bản Ghi nhớ ngày 22 tháng 10 năm 2020 và Phụ lục 1 ngày 21 tháng 3 năm 2023 gia hạn việc chuyển nhượng đến ngày 20 tháng 12 năm 2023.
- (viii) Theo Nghị quyết của Giám đốc của Netlink Online Corporation, một công ty được thành lập ở Singapore, Nhóm Công ty nhận được khoản chia cổ tức là 9.565.680.000 VND và được thanh toán trong vòng 24 tháng kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2021.
- (ix) Theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 199.875.000.000 VND. Nhóm Công ty và Unicorn Venture sẽ thực hiện đối soát lợi nhuận của các dự án vào ngày cuối cùng của năm tài chính. Theo đó, Nhóm Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẽ cho Nhóm Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Nhóm Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẽ cho Nhóm Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Nhóm Công ty đã giải ngân.
- (x) Theo Hợp đồng Hợp tác số 0906/2022/HĐHT/GG/BIGCAT ngày 3 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Giải Trí TTK (trước đây là Công ty Cổ phần Giải trí Truyền thông Big Cat) để đầu tư dự án sản xuất phim, bao gồm việc tổ chức đội ngũ sản xuất phim, ý tưởng, phim trường. Nhóm Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 147.318.000.000 VND. Nhóm Công ty và Công ty Cổ phần Giải Trí TTK sẽ thực hiện đối soát lợi nhuận của các dự án 1 lần vào mỗi tháng. Theo đó, Nhóm Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 50%. Theo Phụ lục 1 ngày 20 tháng 6 năm 2023, tổng giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh giảm còn 100.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Giải Trí TTK sẽ hoàn trả cho Nhóm Công ty số tiền là 47.318.000.000 VND trước ngày 30 tháng 6 năm 2024. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2023, Công ty Cổ phần Giải trí TTK đã hoàn trả một phần vốn góp của hợp đồng với số tiền là 8.660.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022		VND
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	25.729.056.036	7.702.368.220	29.118.046.327	8.719.065.306	(20.398.981.021)
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	13.939.220.078	6.969.610.039	13.939.220.078	6.969.610.039	(6.969.610.039)
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	6.518.490.436	-	6.518.490.436	-	(6.518.490.436)
Khác	5.271.345.522	732.758.181	8.660.335.813	1.749.455.267	(6.910.880.546)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	57.783.420.177	41.536.623.581	57.783.420.177	41.536.623.581	(16.246.796.596)
Công ty TNHH Phân phối Nước Giải khát Quốc tế Something Big SAS	48.126.704.193	40.858.420.589	48.126.704.193	40.858.420.589	(7.268.283.604)
Khác	8.160.450.000	-	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)
	1.496.265.984	678.202.992	1.496.265.984	678.202.992	(818.062.992)
Phải thu ngắn hạn khác	40.333.165.114	1.970.155.401	40.333.165.114	1.008.355.401	(39.324.809.713)
Công ty TNHH Đầu tư Tân An	19.600.000.000	-	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Đồng Sài Gòn	8.120.000.000	-	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)
Travellet Tech Vietnam Limited	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-	(3.600.000.000)
Công ty TNHH Bryan and Martin Pictures	3.015.057.729	-	3.015.057.729	-	(3.015.057.729)
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Ninh	1.253.462.535	-	1.253.462.535	-	(1.253.462.535)
Công ty Cổ phần MBC Studio	1.130.745.000	-	1.130.745.000	-	(1.130.745.000)
Công ty Cổ phần Mnet	3.613.899.850	1.970.155.401	3.613.899.850	1.008.355.401	(2.605.544.449)
Khác					
TỔNG CỘNG	123.845.641.327	51.209.147.202	127.234.631.618	51.264.044.288	(75.970.587.330)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Hàng hóa	36.310.258.712	36.264.806.517
Chương trình đang sản xuất	10.266.825.038	3.116.955.304
Dự án đang phát triển dở dang	7.309.019.444	12.060.255.377
Bản quyền chương trình	-	24.025.005.076
TỔNG CỘNG	53.886.103.194	75.467.022.274
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(34.591.651.162)	(59.956.019.873)
GIÁ TRỊ THUẦN	19.294.452.032	15.511.002.401

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	59.956.019.873	65.378.425.191
Trừ: Hoàn nhập dự phòng	(25.364.368.711)	(5.118.543.148)
Số cuối kỳ	34.591.651.162	60.259.882.043

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	42.977.362.070	27.938.305.891
Chương trình	41.242.952.979	26.090.326.974
Khác	1.734.409.091	1.847.978.917
Dài hạn	2.075.153.898	3.220.915.857
Chi phí cải tạo văn phòng	723.039.218	1.383.873.724
Công cụ, dụng cụ	538.609.357	563.172.702
Khác	813.505.323	1.273.869.431
TỔNG CỘNG	45.052.515.968	31.159.221.748

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.837.328.710	16.468.023.064	12.966.951.364	790.845.452	32.063.148.590
Thanh lý	-	(36.363.637)	(5.200.255.727)	(7.196.909)	(5.243.816.273)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	1.837.328.710	16.431.659.427	7.766.695.637	783.648.543	26.819.332.317
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	1.837.328.710	1.119.184.831	3.400.686.150	456.861.841	6.814.061.532
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(1.837.328.710)	(15.705.695.825)	(12.007.331.474)	(597.748.349)	(30.148.104.358)
Khấu hao trong kỳ	-	(275.905.847)	(224.121.213)	(51.534.866)	(551.561.926)
Thanh lý	-	36.363.637	4.996.619.392	7.196.909	5.040.179.938
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(1.837.328.710)	(15.945.238.035)	(7.234.833.295)	(642.086.306)	(25.659.486.346)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	762.327.239	959.619.890	193.097.103	1.915.044.232
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	486.421.392	531.862.342	141.562.237	1.159.845.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Nhãn hiệu, tên thương mại</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.185.964.630	15.867.542.910	19.053.507.540
Mua trong kỳ	-	41.867.000	41.867.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	3.185.964.630	15.909.409.910	19.095.374.540
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	114.620.000	114.620.000
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(1.048.290.159)	(7.692.816.029)	(8.741.106.188)
Khấu hao trong kỳ	(96.196.686)	(1.377.502.833)	(1.473.699.519)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(1.144.486.845)	(9.070.318.862)	(10.214.805.707)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.137.674.471	8.174.726.881	10.312.401.352
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	2.041.477.785	6.839.091.048	8.880.568.833

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	22.565.454.545	22.565.454.545
Dự án hệ thống dữ liệu kinh doanh	1.120.247.959	-
Khác	170.000.000	-
TỔNG CỘNG	23.855.702.504	22.565.454.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Lợi thế thương mại
khoản đầu tư vào STV

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>74.716.838.797</u>
--------------------------------------------------------------	-----------------------

Giá trị phân bổ lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(3.762.424.285)
Phân bổ trong kỳ	<u>(3.735.841.940)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>(7.498.266.225)</u>

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>70.954.414.512</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>67.218.572.572</u>

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 18.1)	363.693.310.592	132.247.514.642
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh 18.2)	<u>18.665.625.000</u>	<u>17.715.625.000</u>
TỔNG CỘNG	382.358.935.592	149.963.139.642
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(9.615.625.000)</u>	<u>(9.615.625.000)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>372.743.310.592</u>	<u>140.347.514.642</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 2 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 công ty liên kết):

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh		Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	35	35	35	35	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	35	35	35	35	-	-

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có các công ty con sở hữu 6 công ty liên kết như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2022: các công ty con sở hữu 6 công ty liên kết):

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh		Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	49,99	50,00	49,99	50,00	49,99	50,00
Công ty Cổ phần Zmedia	24,99	25,00	24,99	25,00	24,99	25,00
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	29,99	30,00	29,99	30,00	29,99	30,00
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	34,99	35,00	34,99	35,00	34,99	35,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	13,40	20,00	13,40	20,00	13,40	20,00
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	17,96	35,21	17,96	35,21	17,96	35,21
Công ty Cổ phần Eco Consumer (*)	49,99	49,99	49,99	49,99	-	-

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại các công ty con này (Thuyết minh số 35.2)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty (*)	Giá trị đầu tư vào		Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết		Giá trị còn lại		VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng giá trị đầu tư Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	128.756.250.000	-	838.724.604	-	129.594.974.604	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	103.005.000.000	-	(805.552.095)	-	102.199.447.905	
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	92.376.900.000	-	92.376.900.000 (3.034.831.656)	34.718.132 (3.000.113.524)	89.342.068.344	89.376.786.476	
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	22.500.000.000	-	22.500.000.000 (1.246.265.794)	-	21.253.734.206	21.253.734.206	
Công ty Cổ phần Zmedia	12.500.000.000	-	12.500.000.000 1.791.916.046	(349.679.969) 1.442.236.077	14.291.916.046	13.942.236.077	
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	8.500.000.000	-	8.500.000.000 (2.416.448.929)	-	6.083.551.071	6.083.551.071	
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	1.200.000.000	-	1.200.000.000 (48.246.108)	-	1.151.753.892	1.151.753.892	
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	158.155.805	-	158.155.805 (33.664.722)	(33.664.722)	124.491.083	90.826.361	
TỔNG CỘNG	137.235.055.805	231.761.250.000	368.996.305.805 (4.987.541.163)	(315.454.050) (5.302.995.214)	132.247.514.642	363.693.310.592	

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022			
		Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (*)	
				Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %			Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	8.100.000.000	-	(*)	8.100.000.000	-	(*)	18,00
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	(*)	6.000.000.000	(6.000.000.000)	(*)	4,40
Công ty Cổ phần Gamify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	(*)	1.858.000.000	(1.858.000.000)	(*)	15,00
Công ty Cổ phần Shopiness	Công nghệ tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	(*)	1.757.625.000	(1.757.625.000)	(*)	10,00
Công ty Cổ phần Tera Group	Lập trình máy tính	950.000.000	-	(*)	-	-	(*)	-
TỔNG CỘNG		18.665.625.000	(9.615.625.000)		17.715.625.000	(9.615.625.000)		

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại chính này có thể khác với giá trị ghi số.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

19.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Các bên khác	91.638.965.523	72.670.364.317
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	48.976.524.789	33.899.563.425
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Number One	16.515.984.079	16.515.984.079
Khác	26.146.456.655	22.254.816.813
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	7.083.169.534	10.511.435.518
TỔNG CỘNG	98.722.135.057	83.181.799.835

19.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Các bên khác	6.470.531.250	6.268.824.622
Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit	1.022.946.826	3.112.902.549
Công ty TNHH Xin chào Bác sĩ	550.000.000	-
Khác	4.897.584.424	3.155.922.073
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	137.093.401	137.093.401
TỔNG CỘNG	6.607.624.651	6.405.918.023

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.392.798.468	-	(5.500.000.000)	17.892.798.468
Thuế thu nhập cá nhân	3.335.524.048	4.331.331.335	(4.140.863.630)	3.525.991.753
Thuế nhà thầu	4.107.670.578	452.999.861	(1.071.968.645)	3.488.701.794
Thuế giá trị gia tăng	5.457.852.714	7.918.341.319	(10.748.760.376)	2.627.433.657
Khác	5.754.808.685	2.000.000	(3.931.753.635)	1.825.055.050
TỔNG CỘNG	42.048.654.493	12.704.672.515	(25.393.346.286)	29.359.980.722
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	11.733.669.810	10.822.127.007	(9.249.424.226)	13.306.372.591
Khác	155.717.147	-	(123.092.363)	32.624.784
TỔNG CỘNG	11.889.386.957	10.822.127.007	(9.372.516.589)	13.338.997.375

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí lãi vay	6.797.733.102	4.877.556.101
Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	5.246.386.229	9.007.306.187
Chi phí lãi chậm nộp thuế	4.526.264.010	-
Lương tháng 13	1.281.148.776	1.120.560.000
Khác	1.641.207.355	3.750.559.546
TỔNG CỘNG	19.492.739.472	18.755.981.834
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	17.954.714.421	18.169.067.442
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	1.538.025.051	586.914.392

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả do nhận chuyển nhượng vốn góp (*)	36.500.000.000	56.500.000.000
Chi phí lãi vay	3.595.468.029	1.083.415.758
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	3.151.941.345	1.686.582.806
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.147.650.000	2.147.650.000
Khác	7.841.443.681	4.682.179.886
TỔNG CỘNG	53.236.503.055	66.099.828.450
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	50.899.995.958	65.768.310.183
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	2.336.507.097	331.518.267

(*) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 087/2207/HĐCNCP/YEG-STV ngày 1 tháng 7 năm 2022, Công ty đã mua 2.295.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV tương ứng với giá mua là 76.500.000.000 VND từ bên bán là Ông Lê Việt Hùng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Phân loại lại	Giảm khác	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ngắn hạn	94.317.807.400	337.155.335.825	(60.106.557.856)	(640.000.000)	(8.553.361.213)	362.173.224.156
Vay cá nhân (Thuyết minh số 23.1)	12.395.909.091	248.701.250.000	(10.640.000.000)	-	-	250.457.159.091
Vay các tổ chức khác (Thuyết minh số 23.2)	66.193.361.213	18.660.824.000	(18.350.000.000)	(1.640.000.000)	(6.553.361.213)	58.310.824.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.3)	9.628.537.096	56.593.261.825	(16.816.557.856)	-	-	49.405.241.065
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 23.4 và 34)	6.100.000.000	13.200.000.000	(14.300.000.000)	1.000.000.000	(2.000.000.000)	4.000.000.000
Dài hạn	1.000.000.000	200.000.000	(28.376.018)	640.000.000	-	1.811.623.982
Vay các tổ chức khác (Thuyết minh số 23.2)	-	-	-	1.640.000.000	-	1.640.000.000
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 23.4 và 34)	1.000.000.000	200.000.000	(28.376.018)	(1.000.000.000)	-	171.623.982
TỔNG CỘNG	95.317.807.400	337.355.335.825	(60.134.933.874)	-	(8.553.361.213)	363.984.848.138

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay cá nhân

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Kỳ hạn trả nợ gốc</i>	<i>Lãi suất</i>
	<i>VND</i>		<i>%/năm</i>
Phan Thái Huy	103.005.000.000	Ngày 13 tháng 2 năm 2024	8
Nguyễn Văn Đài	70.000.000.000	Ngày 14 tháng 2 năm 2024	8
Đình Tấn Danh	58.756.250.000	Từ ngày 13 tháng 2 năm 2024 đến ngày 14 tháng 4 năm 2024	8
Lê Đình Trọng	10.100.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	10,5 - 12
Nguyễn Minh Đức	2.000.000.000	Ngày 31 tháng 7 năm 2023	12
Nguyễn Thị Kiều Oanh	1.800.000.000	Ngày 31 tháng 8 năm 2023	10,5
Đỗ Thị Phương Liên	1.800.000.000	Ngày 31 tháng 8 năm 2023	10,5
Trần Thanh Tân	1.117.909.091	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	8
Lê Việt Hùng	1.000.000.000	Từ ngày 15 tháng 7 năm 2023 đến ngày 15 tháng 8 năm 2023	10,5
Trần Minh Việt	528.000.000	Ngày 8 tháng 4 năm 2024	6
Hồ Thị Thanh Thủy	200.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	10
Đỗ Hải Sơn	150.000.000	Ngày 31 tháng 8 năm 2023	10,5
TỔNG CỘNG	<u>250.457.159.091</u>		

23.2 Vay các tổ chức khác

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Kỳ hạn trả nợ gốc</i>	<i>Lãi suất</i>
	<i>VND</i>		<i>%/năm</i>
Vay ngắn hạn các tổ chức khác			
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	30.000.000.000	Theo yêu cầu	0
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	28.000.000.000	Từ ngày 28 tháng 9 năm 2023 đến ngày 16 tháng 1 năm 2024	8
Công ty Cổ phần Ban Media	310.824.000	Ngày 19 tháng 5 năm 2024	10,5
TỔNG CỘNG	<u>58,310,824,000</u>		
Vay dài hạn tổ chức khác			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Giải pháp Đổi mới ICC VN	1.640.000.000	Ngày 24 tháng 9 năm 2024	0

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Mục đích	Hình thức đảm bảo
23.3 Vay ngắn hạn từ ngân hàng					
Ngân hàng					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	46.035.091.818	Từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 23 tháng 4 năm 2023	9,5	Tài trợ hoạt động kinh doanh	Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.694.801.267	Từ ngày 28 tháng 7 năm 2023 đến ngày 30 tháng 9 năm 2023	11,5	Tài trợ hoạt động kinh doanh	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	853.138.667	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2023 đến ngày 23 tháng 8 năm 2023	13 - 13,5	Tài trợ hoạt động kinh doanh	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa	822.209.313	Ngày 28 tháng 7 năm 2023	12,07	Tài trợ hoạt động kinh doanh	Tin chấp
TỔNG CỘNG	49.405.241.065				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 34)

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất %/năm
Vay ngắn hạn các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	3.000.000.000	Ngày 26 tháng 6 năm 2024	10,5
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	<u>1.000.000.000</u>	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	6
TỔNG CỘNG	<u>4.000.000.000</u>		
Vay dài hạn bên liên quan			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	171.623.982	Ngày 17 tháng 1 năm 2025	6
TỔNG CỘNG	<u>171.623.982</u>		

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022:				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2022	312.799.680.000	550.873.478.254	20.536.615.720	884.209.773.974
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	6.718.460.546	6.718.460.546
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(2.242.202.700)	(2.242.202.700)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>312.799.680.000</u>	<u>550.873.478.254</u>	<u>25.012.873.566</u>	<u>888.686.031.820</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2023	312.799.680.000	550.873.478.254	30.555.633.680	894.228.791.934
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	9.969.594.703	9.969.594.703
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>312.799.680.000</u>	<u>550.873.478.254</u>	<u>40.525.228.383</u>	<u>904.198.386.637</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Vốn cổ phần đã phát hành		
Vào ngày 1 tháng 1 và ngày 30 tháng 6	<u>312.799.680.000</u>	<u>312.799.680.000</u>

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã công bố trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận được hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 125/2303/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2023, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 279/2306/YEG/NQ/ĐHĐCĐ ngày 2 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 204/2305/NQ/HĐQT/YEG ngày 5 tháng 5 năm 2023. Theo đó, Nhóm Công ty dự kiến phát hành tối đa 45.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị phát hành dự kiến là 450.000.000.000 VND.

24.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Cổ phiếu đăng ký	31.279.968	31.279.968
Cổ phiếu đã phát hành	31.279.968	31.279.968
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>31.279.968</i>	<i>31.279.968</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	31.279.968	31.279.968
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>31.279.968</i>	<i>31.279.968</i>

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Nhóm Công ty được quyền hưởng cổ tức do Nhóm Công ty công bố. Mỗi cổ phần phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lợi nhuận thuần sau thuế (VND)	<u>9.969.594.703</u>	<u>6.718.460.546</u>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	9.969.594.703	6.718.460.546
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>31.279.968</u>	<u>31.279.968</u>
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	319	215

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Vào ngày 1 tháng 1	12.551.387.798	(6.506.464.721)
(Lỗ) lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(829.807.421)	970.895.298
Vào ngày 30 tháng 6	<u>11.721.580.377</u>	<u>(5.535.569.423)</u>

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Tổng doanh thu	143.294.334.475	136.841.871.638
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu quảng cáo trên kênh truyền hình	60.155.225.943	35.959.656.741
Doanh thu quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	47.179.515.893	79.712.108.002
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	20.609.126.926	17.925.822.414
Doanh thu về bán lẻ và bán hàng khác	15.350.465.713	3.244.284.481
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.337.689.458)	(2.482.087.561)
<i>Trong đó:</i>		
Chiết khấu thương mại	(1.337.689.458)	(2.482.087.561)
DOANH THU THUẦN	<u>141.956.645.017</u>	<u>134.359.784.077</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần quảng cáo trên kênh truyền hình	58.817.536.485	33.477.569.180
Doanh thu thuần quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	47.179.515.893	79.712.108.002
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	20.609.126.926	17.925.822.414
Doanh thu thuần về bán lẻ và bán hàng khác	15.350.465.713	3.244.284.481
<i>Trong đó:</i>		
Các bên khác	121.588.774.560	123.537.972.382
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	21.705.559.915	13.303.899.256

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. DOANH THU (tiếp theo)

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.051.290.384	263.873.600
Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	9.993.750.000	-
Khác	9.814.860	-
TỔNG CỘNG	<u>21.054.855.244</u>	<u>263.873.600</u>

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá vốn quảng cáo trên kênh truyền hình	45.714.277.574	22.504.144.720
Giá vốn quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	43.848.547.565	68.541.224.187
Giá vốn dịch vụ và thương mại truyền thông	19.406.567.750	4.727.220.734
Giá vốn về bán lẻ và bán hàng khác	23.848.229.351	5.183.024.551
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho (Thuyết minh số 12)	(25.364.368.711)	(5.118.543.148)
TỔNG CỘNG	<u>107.453.253.529</u>	<u>95.837.071.044</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí lãi vay	10.048.072.400	2.381.120.522
Khác	181.078.022	245.908.000
TỔNG CỘNG	<u>10.229.150.422</u>	<u>2.627.028.522</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí bán hàng	8.209.283.230	13.487.992.484
Chi phí nhân viên	4.660.617.087	1.963.741.771
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.013.649.422	11.451.799.987
Chi phí khấu hao và hao mòn	-	72.450.726
Chi phí khác	535.016.721	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.828.981.190	25.537.014.878
Chi phí nhân viên	16.991.684.202	12.654.239.077
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.505.467.815	3.406.351.479
Phân bổ lợi thế thương mại	3.735.841.940	1.609.510.998
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.459.009.387	1.912.455.754
(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(3.334.093.204)	3.015.057.729
Chi phí khác	1.471.071.050	2.939.399.841
TỔNG CỘNG	35.038.264.420	39.025.007.362

31. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tiền phạt thuế	4.526.264.010	2.628.135.114
Khác	719.280.183	140.135.072
TỔNG CỘNG	5.245.544.193	2.768.270.186

32. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.426.187.565	111.150.967.782
Chi phí nhân viên	33.060.601.261	20.618.434.791
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 17)	3.735.841.940	1.609.510.998
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 14 và 15)	2.025.261.445	2.325.925.582
(Hoàn nhập) trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.334.093.205)	3.015.057.729
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.364.368.711)	(5.118.543.148)
Khác	2.942.087.654	1.260.724.672
TỔNG CỘNG	142.491.517.949	134.862.078.406

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	308.109.677
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(3.929.753.635)	-
TỔNG CỘNG	(3.929.753.635)	308.109.677

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.210.033.647	7.997.465.521
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	1.042.006.729	1.599.493.104
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Lỗi thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	2.561.384.445	529.130.652
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.023.600.918	668.244.017
Phân bổ lợi thế thương mại	747.168.388	321.902.200
Lỗi (lợi nhuận) trong công ty liên kết	63.090.810	(91.390.412)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(3.929.753.635)	-
Lỗi thuế từ năm trước chuyển sang	(5.437.251.290)	(2.719.269.884)
Chi phí thuế TNDN	(3.929.753.635)	308.109.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

33.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND			
	<u>Bảng cân đối kế toán</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh</u>	
	<u>hợp nhất giữa niên độ</u>		<u>doanh hợp nhất giữa niên độ</u>	
	Ngày 30 tháng 6	Ngày 31 tháng	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
	năm 2023	12 năm 2022	sáu tháng kết thúc	sáu tháng kết thúc
			ngày 30 tháng 6	ngày 30 tháng 6
			năm 2023	năm 2022
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Dự phòng đầu tư vào công ty con	17.614.260.119	17.614.260.119	-	-

33.4 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế là 842.655.709.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 869.841.965.450 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Sử dụng	VND
				Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023
2019 (*)	2024	18.321.554.642	(12.085.776.490)	6.235.778.152
2020 (**)	2025	453.621.189.557	-	453.621.189.557
2020 (*)	2025	2.250.136.597	(13.459.090)	2.236.677.507
2021 (**)	2026	363.538.343.389	(9.470.548.790)	354.067.794.599
2022 (**)	2027	32.110.741.265	(5.616.472.080)	26.494.269.185
TỔNG CỘNG		869.841.965.450	(27.186.256.450)	842.655.709.000

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

(**) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Nhóm Công ty cho các năm tài chính này chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Zmedia	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Big Cat	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Đầu tư khác
Công ty TNHH Tera Group	Đầu tư khác
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2023)
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng giám đốc (từ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023)
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2022)
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2022)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Thu hồi gốc cho vay	26.871.435.836	2.000.000.000
	Trả gốc vay	18.328.376.018	-
	Cho vay	17.050.000.000	49.160.000.000
	Cung cấp dịch vụ	12.314.234.577	13.297.345.240
	Mua dịch vụ	5.195.101.255	2.334.016.425
	Thu hồi lãi cho vay	659.641.225	5.333.333
	Vay	400.000.000	500.000.000
	Lãi cho vay	371.832.271	-
	Trả lãi vay	173.807.936	-
	Lãi vay	76.259.782	28.018.265
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	6.000.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	3.228.325.338	-
	Trả gốc vay	3.000.000.000	-
	Cho vay	2.328.800.000	-
	Thu hồi gốc cho vay	2.328.800.000	-
	Lãi cho vay	46.603.398	-
	Thu hồi lãi cho vay	42.738.149	-
	Mua dịch vụ	4.400.000	-
Lãi vay	657.534	-	
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Thu hồi gốc cho vay	6.250.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	6.163.000.000	6.554.016
	Cho vay	1.250.000.000	-
	Lãi cho vay	990.164.282	-
	Thu hồi lãi cho vay	22.880.000	-
Lãi vay	17.972.603	-	
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	10.560.836.604	4.114.141.440
	Tạm ứng	10.475.412.928	1.979.047.000
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	7.154.000.000	-
	Thu hồi gốc cho vay	854.000.000	-
	Lãi cho vay	139.333.562	-
Công ty TNHH Big Cat	Mua dịch vụ	1.291.070.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Cho vay	450.000.000	-
	Lãi cho vay	5.490.411	-
	Thu hồi lãi cho vay	3.118.904	-
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	72.654.974	-
	Thu hồi tạm ứng	40.593.474	-
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	65.371.655	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Lãi vay	79.342.466	-
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	29.753.424	-
	Thu hồi lãi cho vay	11.955.159	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Cung cấp dịch vụ	6.731.991.724	6.731.991.724
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp dịch vụ	2.221.548.314	6.480.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	1.044.647.334	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cung cấp dịch vụ	999.999.958	999.999.958
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Cung cấp dịch vụ	523.907.131	523.907.131
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp dịch vụ	552.419.560	-
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp dịch vụ	457.174.809	1.080.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Cung cấp dịch vụ	-	2.421.533.432
		12.531.688.830	18.237.432.245
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua dịch vụ	24.750.000	24.750.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cho vay	18.689.396.607	24.939.396.607
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	11.296.000.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	-	13.271.435.836
Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng	Cho vay	70.000.000	-
		30.055.396.607	38.210.832.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
Ông Đào Phúc Trí	Tạm ứng	5.245.061.946	5.330.485.622
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Lãi cho vay	2.255.506.082	1.288.221.800
Công ty Cổ phần Tera Group	Lãi cho vay	139.333.562	-
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	65.371.655	-
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	32.061.500	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi cho vay	29.773.972	317.582.927
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi cho vay	3.865.249	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Lãi cho vay	2.371.507	-
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi cho vay	-	11.955.159
		7.773.345.473	6.948.245.508
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	3.450.000.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cho vay	1.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming	Cho vay	450.000.000	-
		5.150.000.000	-
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Mua dịch vụ	5.849.789.534	5.849.789.534
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua dịch vụ	1.208.380.000	4.014.307.984
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Mua dịch vụ	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Big Cat	Mua dịch vụ	-	622.338.000
		7.083.169.534	10.511.435.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp dịch vụ	137.093.401	137.093.401
Chi phí phải trả ngắn hạn			
Công ty TNHH Big Cat	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	611.658.912	42.162.411
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	270.000.000	277.000.000
	Lãi vay	160.000.000	80.657.534
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	206.603.932	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	195.981.386	21.187.600
	Lãi vay	4.027.397	105.906.847
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	89.753.424	60.000.000
		1.538.025.051	586.914.392
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Phải trả hợp tác kinh doanh	2.000.000.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư Việt Nam Giải Trí	Phí khác	207.573.065	207.573.065
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Phí khác	123.945.202	123.945.202
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi vay	4.331.296	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	657.534	-
		2.336.507.097	331.518.267

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Vay	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	-	4.100.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Vay	-	2.000.000.000
		4.000.000.000	6.100.000.000
Vay dài hạn			
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Vay	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	171.623.982	-
		171.623.982	1.000.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	1.699.338.000	954.046.900
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	750.000.000	-
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	502.449.000	334.966.000
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	354.435.900	-
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	123.981.550	123.981.550
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc	-	1.004.898.000
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	-	743.148.922
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc	-	350.000.000
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc	-	350.000.000
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng BKS	-	-
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS	-	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS	-	-
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS	-	-
TỔNG CỘNG		3.430.204.450	3.861.041.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. CÁC CAM KẾT

35.1 Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dưới 1 năm	25.687.691.325	21.397.038.548
Từ 1 đến 5 năm	<u>4.773.227.500</u>	<u>3.704.820.432</u>
TỔNG CỘNG	<u>30.460.918.825</u>	<u>25.101.858.980</u>

35.2 Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

	VND		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022		
	Vốn cam kết	Vốn đã góp	Vốn còn phải góp
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty Cổ phần Eco Consumer	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	<u>13.300.000.000</u>	<u>10.538.000.000</u>	<u>2.762.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>35.630.060.000</u>	<u>10.560.000.000</u>	<u>25.070.060.000</u>

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện, quảng cáo trên kênh truyền hình, cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông và bán lẻ.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Quảng cáo trên kênh truyền hình	Quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	Cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	Bán lẻ và bán hàng khác	Loại trừ	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	58.817.536.485	47.179.515.893	20.609.126.926	15.350.465.713	-	141.956.645.017
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	-	-	10.378.360.186	-	(10.378.360.186)	-
Tổng doanh thu thuần	58.817.536.485	47.179.515.893	30.987.487.112	15.350.465.713	(10.378.360.186)	141.956.645.017
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả kinh doanh bộ phận	7.648.332.215	28.695.337.039	4.218.983.629	(8.577.763.638)	2.518.502.243	34.503.391.488
Chi phí không phân bổ						(35.038.264.420)
Lợi nhuận từ công ty liên kết						21.054.855.244
Doanh thu tài chính						(10.229.150.422)
Chi phí tài chính						(4.765.344.193)
Lợi nhuận khác						5.210.033.647
Lợi nhuận trước thuế						3.929.753.635
Chi phí thuế TNDN						-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						-
Lợi nhuận sau thuế						9.139.787.282
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận	179.862.940.924	139.137.744.512	605.683.119.528	428.840.742.772	(157.055.788.124)	1.196.468.759.612
Tài sản không phân bổ						312.960.770.992
Tổng tài sản						1.509.429.530.604
Công nợ bộ phận	144.925.296.687	265.798.378.934	390.954.182.725	46.176.626.583	(310.336.898.566)	537.517.586.363
Công nợ không phân bổ						55.395.466.852
Tổng công nợ						592.913.053.215

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

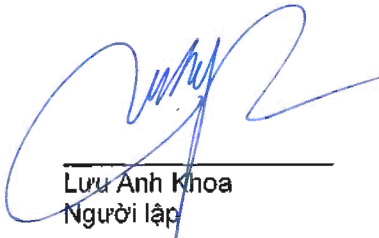
Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau (tiếp theo):

	Quảng cáo trên kênh truyền hình	Quảng cáo, tư vấn truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số và tổ chức sự kiện	Cung dịch vụ và thương mại truyền thông	Bán lẻ và bán hàng khác	Loại trừ	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	33.477.569.180	79.712.108.002	17.925.822.414	3.244.284.481	-	134.359.784.077
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	298.309.091	2.131.759	9.570.000.000	2.794.633.308	(12.665.074.158)	-
Tổng doanh thu thuần	33.775.878.271	79.714.239.761	27.495.822.414	6.038.917.789	(12.665.074.158)	134.359.784.077
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả kinh doanh bộ phận	11.271.733.551	10.023.015.574	11.007.508.558	4.466.178.231	1.754.277.119	38.522.713.033
Chi phí không phân bổ						(39.025.007.362)
Lợi nhuận từ công ty liên kết						456.952.066
Doanh thu tài chính						263.873.600
Chi phí tài chính						(2.627.028.522)
Lợi nhuận khác						10.405.962.706
Lợi nhuận trước thuế						7.997.465.521
Chi phí thuế TNDN						(308.109.677)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						-
Lợi nhuận sau thuế						7.689.355.844
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Tài sản và công nợ	84.714.529.400	216.563.816.421	1.288.262.529.074	683.321.418.395	(1.505.445.506.274)	767.416.787.016
Tài sản bộ phận						415.131.088.457
Tài sản không phân bổ						-
Tổng tài sản						1.182.547.875.473
Công nợ bộ phận	69.667.134.179	374.105.223.323	109.503.861.433	179.111.979.121	(465.791.483.006)	266.596.715.050
Công nợ không phân bổ						32.800.698.026
Tổng công nợ						299.397.413.076

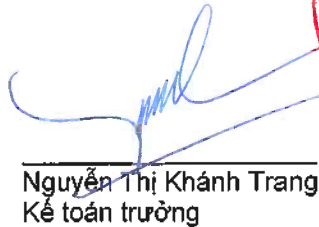
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoài các sự kiện được trình bày ở *Thuyết minh số 7, 8, 10, 24.2*, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.




Lưu Anh Khoa
Người lập



Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng





Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023